TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2018/DS-ST.
Ngày: 27/11/2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Lâm.**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lê Thị Kim Thoa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hoài** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ trụ sở chính: Số 89, phường X, quận Y, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Số 296, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hoàng T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 296, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2018). (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* 1/ Ông Lương Văn D, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Quý N, sinh năm 1995; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018 (nộp tại Tòa án ngày 19/4/2018) của Ngân hàng TMCP V và quá trình giải quyết, bà Hồ Thị Hoàng T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/7/2016, Ngân hàng TMCP V với ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7931986/CHG/HĐTD với nội dung: số tiền vay là 808.000.000đ, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe tải Chenglong mới 100%, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu CHENGLONG, số khung: LGGX4C452GL313802, số máy: YC6A24033A11L1G30115, biển số 61C-220.61; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/7/2016; theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7931986/CHG/HĐTCSP ngày 11/7/2016. Tài sản đã được chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số 1218195638 vào hồi 09 giờ 34 phút ngày 11/7/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông D, bà N chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 221.474.428đ, gồm tiền nợ gốc 134.676.000đ và tiền nợ lãi 86.798.428đ. Sau đó, ông D, bà N đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như nợ lãi, vi phạm các thỏa thuận hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 16/4/2018, ông D, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 746.209.019đ; trong đó: tiền nợ gốc là 673.324.000đ và tiền nợ lãi là 72.885.019đ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông D, bà N thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng nhưng ông D, bà N không thực hiện. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông D, bà N sang nợ quá hạn và thông báo cho ông D, bà N biết việc Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án.

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông D, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 746.209.019đ và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng tính từ ngày 17/4/2018 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông D, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sở hữu, sử dụng đối với xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu ChengLong, số khung LGGX4C452GL313802, số máy YC6A24033A11L1G30115, biển số 61C-220.61, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2016 mang tên bà Nguyễn Thị Quý N để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lương Văn D và bà Nguyễn Thị Quý N tại nơi cư trú, lý do ông D, bà N thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông D, bà N theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường B và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Ngày 27/11/2018, nguyên đơn do bà Hồ Thị Hoàng T đại diện theo ủy quyền có đơn xin giải quyết vắng mặt, xác định số tiền Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày 27/11/2018 là 846.250.355đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 673.324.000đ và tiền lãi là 172.926.355đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 27/11/2018, nguyên đơn Ngân Hàng Thương mại cổ phần V do bà Hồ Thị Hoàng T đại diện theo ủy quyền có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng (gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm) tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường B và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D, bà N không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về số tiền yêu cầu thanh toán:

Ngân hàng TMCP V với ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N đã ký kết hợp đồng tín dụng số 7931986/CHG/HĐTD ngày 11/7/2016 với nội dung: số tiền vay là 808.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe tải Chenglong mới 100%, lãi suất vay trong hạn và phương thức điều chỉnh lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ được hai bên ký kết, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 12/7/2016, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay 808.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 01/7931986/CHG/HĐTD. Phương thức giải ngân bằng hình thức chuyển khoản. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm, cố định trong 06 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay từ tháng thứ 07 trở đi từ ngày 12/01/2017 đến ngày 31/3/2017 sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 5,5%/năm. Từ ngày 01/4/2017 trở đi, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm. Bên vay trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 11, tổng cộng gồm 72 kỳ, kỳ trả nợ gốc và nợ lãi đầu tiên vào ngày 11/8/2016, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 11.223.000đ, riêng kỳ cuối trả dứt nợ vay.

Xét thấy, các thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Nguyên đơn xác định sau khi được giải ngân tiền vay, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn 12 kỳ với số tiền là 221.474.428đ (gồm tiền gốc 134.676.000đ và tiền lãi 86.798.428đ) thì ngưng đến nay không thanh toán nữa. Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 27/11/2018 là 846.250.355đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 673.324.000đ và tiền nợ lãi là 172.926.355đ. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với bị đơn ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N yêu cầu cung cấp các tài liệu liên quan đến việc ký kết hợp đồng tín dụng số 7931986/CHG/HĐTD ngày 11/7/2016, hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7931986/CHG/HĐTCSP ngày 11/7/2016, số tiền bị đơn được nguyên đơn giải ngân, số tiền bị đơn đã thanh toán, cũng như số tiền hiện còn nợ nguyên đơn. Tuy nhiên, quá thời hạn quy định trong thông báo, bị đơn vẫn không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 27/11/2018 với số tiền yêu cầu 846.250.355đ là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Từ ngày 28/11/2018, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7931986/CHG/HĐTD ngày 11/7/2016 đến khi thi hành án xong.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7931986/CHG/HĐTCSP ngày 11/7/2016. Tài sản thế chấp là quyền sở hữu, sử dụng đối với xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu CHENGLONG, số khung: LGGX4C452GL313802, số máy: YC6A24033A11L1G30115, biển số xe 61C-220.61; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2016 mang tên bà Nguyễn Thị Quý N. Theo đơn yêu cầu đăng ký của nguyên đơn, Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận nội dung đăng ký, thông báo việc kê biên đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm, có số đăng ký là 1218195638, hiệu lực đăng ký từ 09 giờ 34 phút, ngày 11/7/2016, bên nhận bảo đảm là Ngân hàng TMCP V; bên bảo đảm là ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N. Cùng ngày 11/7/2016 Trung tâm đăng ký đã gửi công văn số 42122/TT2-TB về việc thông báo thế chấp phương tiện giao thông đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương đề nghị cập nhật thông tin về tài sản thế chấp để quản lý theo quy định pháp luật.

Xét thấy, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 11/7/2016 là phù hợp với quy định tại các Điều 323, 343, 344, 348, 350, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản 3 Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ tư pháp. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu ChengLong, số khung LGGX4C452GL313802, số máy YC6A24033A11L1G30115, biển số 61C-220.61; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2016 mang tên bà Nguyễn Thị Quý N để thu hồi nợ là có sơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trường hợp bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì nguyên đơn có trách nhiệm giao trả cho bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2016 mang tên bà Nguyễn Thị Quý N.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 227, 228, 235, 238, 254, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 323, 343, 344, 348, 350, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 429, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16/02/2011 của Bộ tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ tư pháp;

Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2003 của Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền tiền 846.250.355đ (Tám trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng); trong đó: số tiền nợ gốc là 673.324.000đ (Sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 27/11/2018 là 172.926.355đ (Một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 28/11/2018 đến khi thi hành án xong, ông D và bà N còn phải

tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7931986/GHG/HĐTD ký ngày 11/7/2016 và các thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Trường hợp ông D và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu CHENGLONG, số khung: LGGX4C452GL313802, số máy: YC6A24033A11L1G30115, biển số xe 61C-220.61; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2016 mang tên bà Nguyễn Thị Quý N.

Trường hợp ông D và bà N thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho ông D và bà N bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031671 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/7/2016 mang tên bà Nguyễn Thị Quý N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lương Văn D, bà Nguyễn Thị Quý N phải nộp số tiền 37.850.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 16.924.000đ (Mười sáu triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016 - 0022652 ngày 07/9/2018.

3. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung